

Số: /GP-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP KHAI THÁC NƯỚC MẶT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của luật tài nguyên nước;

Xét Đơn đề nghị cấp Giấy phép khai thác nước mặt của Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn, ngày 25/9/2024 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hoá tại Tờ trình số 1615/TTr- STNMT ngày 16/10/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh, địa chỉ tại số 08 Lê Văn Hưu, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa được khai thác nước mặt, với các nội dung sau:

1. Tên công trình: Công trình Tiểu dự án cấp nước sạch cho 8 xã huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

2. Mục đích khai thác nước: Sản xuất nước sạch, cấp nước sinh hoạt cho nhân dân và các đơn vị đóng trên địa bàn 8 xã, huyện Hoằng Hóa gồm: Hoằng Yến, Hoằng Ngọc, Hoằng Tiến, Hoằng Hải, Hoằng Đông, Hoằng Thanh, Hoằng Phụ và Hoằng Trường.

3. Nguồn nước khai thác: Kênh Nam (trên địa phận thị trấn Bút Sơn, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa).

4. Vị trí các hạng mục chính của công trình khai thác nước:

Vị trí khai thác nước: Tại khu phố Phú Vinh Tây, thị trấn Bút Sơn, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Tọa độ vị trí khai thác nước (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105^0 , múi chiều 3^0) như sau:

X: 2195817 (m); Y: 587834 (m).

5. Chế độ khai thác: 365 ngày/năm.

6. Lượng nước khai thác: $3.500 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$, trong đó:

- Lưu lượng nước phục vụ sản xuất nước sạch cấp cho các cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ là $350 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$;

- Lưu lượng cấp nước sinh hoạt cho người dân và cơ quan hành chính sự nghiệp là $3.150 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

7. Phương thức khai thác: Nước từ Kênh Nam khai thác theo phương thức tự chảy qua cống thu tròn bê tông cốt thép $\text{Ø}1000\text{mm}$ vào hồ dự trữ, sơ lắng (diện tích xây dựng 2.38ha). Nước từ hồ dự trữ, sơ lắng được bơm lên bằng 03 bơm (02 chạy và 01 bơm dự phòng, công suất mỗi bơm $Q = 302 \text{ m}^3/\text{h}$, cột áp $H = 38.6 \text{ m}$, công suất động cơ $N = 30\text{kW}$) vào đường ống truyền tải HDPE-PN6 D400mm với chiều dài 8.648 m về trạm xử lý tại xã Hoàng Tiến, huyện Hoàng Hóa.

8. Thời hạn của giấy phép là 05 năm.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này; nếu thay đổi nội dung quy định tại Điều 1 phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản;

2. Lắp đặt thiết bị, đo đạc, giám sát quá trình khai thác nước.

3. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý tài nguyên nước ở trung ương và địa phương; cung cấp đầy đủ và trung thực thông tin, dữ liệu về hoạt động khai thác tài nguyên nước của công trình vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia và theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Quan trắc chất lượng nguồn nước khai thác định kỳ 12 tháng/lần (nguồn nước Kênh Nam).

5. Bảo vệ nguồn nước khai thác, đảm bảo vệ sinh khu vực khai thác; khai thác nước trong giới hạn cho phép, sử dụng nước đúng mục đích, hợp lý, hiệu quả và tiết kiệm.

6. Thực hiện việc vận hành công trình khai thác, hệ thống xử lý nước theo đúng thiết kế, quy trình công nghệ đã trình bày và cam kết trong hồ sơ đề nghị cấp phép khai thác, sử dụng nước mặt của đơn vị.

7. Trong quá trình khai thác, nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng, lưu lượng nguồn nước và môi trường quanh khu vực khai thác, đơn vị phải dừng ngay việc khai thác, báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường, chính quyền địa phương để có biện pháp xử lý kịp thời.

8. Phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình khai thác nước mặt của đơn vị là 800 m về phía thượng lưu và 200 m về phía hạ lưu.

9. Hằng năm (trước ngày 30 tháng 01 của năm tiếp theo), tổng hợp báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Hoàng Hóa về tình hình khai thác, sử dụng nước mặt và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác, sử dụng; các kết quả giám sát nguồn nước theo quy định.

Điều 3. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm cập nhật thông tin của giấy phép này vào cơ sở dữ liệu thông tin giấy phép tài nguyên dùng chung của trung ương và địa phương; theo dõi, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng nước mặt của công trình này.

Điều 4. Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 42 và có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 42 của Luật Tài nguyên nước và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2024. Chậm nhất 45 ngày trước khi Giấy phép hết hạn, nếu Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh còn tiếp tục khai thác, sử dụng nước mặt với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn Giấy phép theo quy định./.

Nơi nhận:

- Trung tâm Nước sinh hoạt và VSMTNT tỉnh;
- Cục Quản lý tài nguyên nước (để b/c);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa;
- UBND huyện Hoàng Hóa;
- Lưu: VT, Pg NN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Đức Giang